

AQUA GRIP

AQUAGRIP

Giày ch ố rưn ợg **chuyên** n ghiệ p

- Thành ngoài bằn Đ g EVA và cao su
- Sử dụn g chuyên trí: di hiệ ia yể n ận toàn trên sàn nhẵn trong rư ờn môi ẩm ư ớt
- Hệ số bám t ui yệ t v ờ
- Hệ th ố n g thoát nư ớc tích h ợp
- Tiger-grip Spirit dirGrip vượ làm s

Những vật liệu cao cấp hơn	EVA
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	SAU ĐÓ
ngoài Đ	EVA / Cao su
Phạm vi kích thước	EU 35-46 / UK 3.0-11.0 / US 3.0-12.0 JPN 21.5-30 / KOR 230-300

CO_2 0.00 kg



WHT



GRY

Công nghiệp **n:**
ạch Làm s

ường: **Môi** t
Bề mặt cự c mịn , **Có** t u yế t **và** băng giá

K

	Sự **miêu** t ả		ế t ơn vị **đo** l ường	
	Những vật l iệu **EVA cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng hấp thụ năng lượng của	? 0.8	N/A	ờ mg/cm/g
	Top: h i nụ sốc h ơ	? 15	N/A	mg/cm2
ót bên trong	**SAU ĐÓ**			
	L ớp lót: hấp thụ năng lượng của	? 2	N/A	ờ mg/cm/g
	lót: h i nụ sốc h ơ	? 20	N/A	mg/cm2
rong Đ	**SAU ĐÓ**			
	ệ m chân Đ Ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ	**EVA / Cao su**			
	Ch ố n g trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150	140	mm
	a đế ngoài SRA: gót chân	? 0.28	0.50	ma sát
	a đế ngoài SRA: Phần g	? 0.32	0.48	ma sát
	a đế ngoài SRB: gót chân	? 0.13	0.35	ma sát
	ộc đế ngoài SRB: phần g	? 0.18	0.32	ma sát
	ị ch ố t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l ượng của gót chân	? 20	N/A	J

kích thước thép:

a chú ý Safety Jogger có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ường	
i **CO2 phát** thả			
	V ật l iệu	0.00	kg
		0.00 kg CO2/ cặp	

Tính toán CO2:
ị được **làm** tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com